

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2023/HNGĐ-PT

Ngày: 20/03/2023

V/v tranh chấp: “chia tài sản
chung của vợ chồng trong thời kỳ
hôn nhân”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Ngoan.

Các Thẩm phán: - Bà Hoàng Thị Thơ;

- Bà Lưu Thị Thu Thủy

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Hà Phan - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Bà Hà Thúy Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét
xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 85/2022/TLPT-HNGĐ ngày 19 tháng
12 năm 2022 về việc tranh chấp “*Chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân*”.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 256/2022/HNGĐ-ST ngày 26
tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 102/2023/QĐ-PT ngày
10 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: cụ Nguyễn Văn Đ; sinh năm: 1933

Địa chỉ: ấp 4, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang

Bị đơn: cụ Võ Thị H; sinh năm: 1935

Địa chỉ: ấp 4, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Võ Quang H; sinh năm: 1958

Địa chỉ: ấp 2, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp

2. Bà Nguyễn Thị T; sinh năm: 1964

3. Ông Nguyễn Thanh H; sinh năm: 1967

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Đ; sinh năm: 1933

Địa chỉ: ấp 4, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang

4. Chị Trần Thiện T; sinh năm: 2000

5. Chị Nguyễn Phúc K; sinh năm: 2004

Cùng địa chỉ: ấp 4, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang

- *Người kháng cáo*: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Quang H

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

Nguyên đơn là cụ Nguyễn Văn Đ trình bày: Cụ và cụ Võ Thị H là vợ chồng với nhau, 02 cụ xác lập quan hệ vợ chồng năm 1956, có được 06 người con gồm: ông Võ Quang H sinh năm: 1958, bà Võ Thị Bé Dsinh năm: 1960, bà Nguyễn Thị T sinh năm: 1964, ông Nguyễn Thanh H sinh năm: 1967, bà Nguyễn Thu Hà (đã chết) và ông Nguyễn Chí Tâm (đã chết). Trong thời kỳ hôn nhân cụ và cụ H được cha mẹ vợ tặng cho thửa đất 808, có diện tích 4.866m² tại ấp 4, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang do cụ đại diện hộ gia đình đứng tên quyền sử dụng đất. Từ năm 1997 cụ và cụ H đã sống ly thân với nhau đến nay. Vào năm 2000 do con trai cụ là ông Võ Quang H gặp khó khăn nên cụ có cho ông H mượn thửa đất 808 để canh tác sinh sống. Nay cụ có nhu cầu sử dụng thửa đất này nên yêu cầu chia đôi, cụ yêu cầu nhận bằng đất là $\frac{1}{2}$ diện tích đất thực đo.

Bị đơn là cụ Võ Thị H trình bày: Cụ và cụ Nguyễn Văn Đ xác lập quan hệ vợ chồng với nhau vào năm 1968, có đăng ký kết hôn, năm 2000 cụ và cụ Đ sống ly thân với nhau cho đến nay. Thửa đất 808, diện tích 4.866m² tọa lạc tại ấp 4, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang là do cha mẹ ruột cụ tặng cho riêng cụ, không phải là tài sản chung của cụ và cụ Đ, thửa đất này do cụ Đ đại diện hộ gia đình đứng tên quyền sử dụng đất. Nay cụ Đ yêu cầu chia đôi thửa đất này cụ không đồng ý vì đây là tài sản riêng của cụ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Võ Quang H trình bày: Thửa đất 808, diện tích 4.866m² tọa lạc tại ấp 4, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang do cha ông là cụ Nguyễn Văn Đ đại diện hộ gia đình đứng tên quyền sử dụng đất. Vào khoảng năm 1985 cụ Đ và cụ H cho ông canh tác thửa đất này nhưng chưa làm thủ tục sang tên cho ông, trong quá trình canh tác ông đã cải tạo thửa đất này từ đất ruộng thành đất vườn chi phí khoảng 4.500.000 đồng và trồng cây như hiện nay. Nay cụ Đ yêu cầu chia đôi thửa đất 808 ông không có ý kiến gì, tùy Tòa án quyết định.

* Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 256/2022/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 8 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cụ Nguyễn Văn Đ.

1.1 Chia cho cụ Nguyễn Văn Đ $\frac{1}{2}$ thửa đất 808 có diện tích thực đo là 2.562,7m² (có ký hiệu T1 theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 18 tháng 3 năm 2022) tọa lạc tại ấp 4, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang do cụ Nguyễn Văn Đ đại diện hộ gia đình đứng tên theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00557 ngày 14 tháng 9 năm 2006.

Diện tích 2.562,7m² đất cụ Đ được chia có tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp phần đất còn lại của thửa đất 808
- Hướng Tây giáp đất ông Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Kim K
- Hướng Nam giáp phần đất còn lại của thửa 808 chia cho cụ H
- Hướng Bắc giáp đất ông Nguyễn Văn H.

(Có sơ đồ kèm theo)

1.2 Chia cho cụ Võ Thị H $\frac{1}{2}$ thửa đất 808 có diện tích thực đo là 2.562,7m² (có ký hiệu T2, T3 theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 18 tháng 3 năm 2022) tọa lạc tại ấp 4, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang do cụ Nguyễn Văn Đ đại diện hộ gia đình đứng tên theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00557 ngày 14 tháng 9 năm 2006.

Diện tích 2.562,7m² đất cụ H được chia có tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp phần đất còn lại của thửa đất 808
- Hướng Tây giáp đất ông Hà Thanh H và bà Trần Thị T
- Hướng Nam giáp phần đất còn lại của thửa đất 808
- Hướng Bắc giáp phần đất còn lại của thửa 808 chia cho cụ Đ.

(Có sơ đồ kèm theo)

1.3 Cụ Nguyễn Văn Đ, cụ Võ Thị H được quyền đăng ký đất đai đối với diện tích đất mỗi người được chia là 2.562,7m² tọa lạc tại ấp 4, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại Điều 95 Luật đất đai.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

* Ngày 06/9/2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Quang H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án Hôn nhân sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Cụ Nguyễn Văn Đ vẫn giữ nguyên đơn khởi kiện, ông Võ Quang H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các bên đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

+ Về tố tụng: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, thành viên Hội đồng xét xử phúc thẩm và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án.

+ Về nội dung kháng cáo: Do cấp sơ thẩm chia đất thửa 808 cho cụ Đ và cụ H nhưng không buộc ông Võ Quang H (người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) giao đất. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2, Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự sửa án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được tham tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

[1] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn cụ Nguyễn Văn Đ khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân với cụ Võ Thị H. Án sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp “*chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân*” là đúng theo quy định tại các Điều 38, Điều 59 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về thủ tục tố tụng: Án sơ thẩm thụ lý giải quyết tranh chấp giữa nguyên đơn cụ Nguyễn Văn Đ, bị đơn cụ Võ Thị H là đúng trình tự thủ tục quy định tại Điều 28, 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung kháng cáo: Đơn kháng cáo của ông Võ Quang H đúng quy định tại Điều 272, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Xét yêu cầu kháng cáo: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Võ Quang H có đơn kháng cáo với nội dung:

Thửa đất 808, diện tích 4.866m² tại ấp 4, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang có nguồn gốc là của ông bà ngoại ông cho mẹ ông (cụ Võ Thị H) nhưng cụ Nguyễn Văn Đ đại diện hộ gia đình đứng tên. Vào khoảng năm 1985 cụ Đ và cụ H đã cho ông H diện tích đất này để canh tác ổn định cho đến nay. Nay với yêu cầu khởi kiện của cụ Đ ông H không đồng ý.

[6] Án sơ thẩm đã xét xử: Xác định thửa đất 808, có diện tích 4.866m² tại ấp 4, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang là tài sản chung của cụ Nguyễn Văn Đ và cụ Võ Thị H và chia đôi cho hai cụ.

Căn cứ vào tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều thừa nhận cụ và cụ Võ Thị H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1956 nhưng đến ngày 25 tháng 11 năm 1968 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Khánh, quận Đức Thịnh, tỉnh Sađec nên quan hệ hôn nhân giữa cụ Đ và cụ H được pháp luật thừa nhận. Thửa đất 808, diện tích 4.866m² tại ấp 4, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang, có nguồn gốc là do cha mẹ vợ tặng cho do cụ Đ đại diện hộ đứng tên quyền sử dụng đất. Xét thấy, tại bản án dân sự sơ thẩm số 199/2019/DS-ST ngày 22 tháng 10 năm 2019 đã có hiệu lực pháp luật đã xác định thửa đất 808 là của cụ Đ và cụ H được cha mẹ cụ H tặng cho khi cụ Đ và cụ H kết hôn nên đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự nên cấp sơ thẩm xác định đây là tài sản chung của cụ Đ và cụ H là có căn cứ.

Tuy nhiên, Tòa cấp sơ thẩm chưa xem xét, đánh giá toàn diện tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự đều thống nhất trình bày, cụ Đ và cụ H ngoài tài sản chung là thửa đất trên hai cụ còn có thửa đất diện tích 5.752 m² tại xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Tại biên bản xác minh của Tòa án ngày 08/3/2023, Ủy ban nhân dân xã T cung cấp. Ngoài tài sản chung là thửa 808 tại ấp 4, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang thì hộ cụ Nguyễn Văn Đ còn có phần đất thuộc thửa 532, tờ bản đồ số 01, diện tích 5.732m² tại ấp 4, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang do UBND huyện C cấp cho hộ ông Nguyễn Văn Đ vào ngày 02/12/1997. Trên phần đất có nhà và cây trái hiện do cụ Đ đang quản lý sử dụng. Ngoài ra, trong quá trình giải quyết vụ án ông Võ Quang H đều trình

bày trong quá trình canh tác thửa đất 808 vợ chồng ông đã cải tạo thửa đất này từ đất ruộng thành đất vườn chi phí khoảng 4.500.000 đồng vào năm 2002 và trồng cây như hiện nay nhưng cấp sơ thẩm không đưa các thành viên trong hộ ông H gồm bà Đặng Thị C(vợ ông H) và các con của ông H tham gia tối tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các thành viên trong hộ của ông H, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Khi chia đất thửa 808 cho cụ Đ và cụ H, cấp sơ thẩm không buộc ông H (hộ ông H) giao đất cho cụ Đ và cụ H, khi bản án phát sinh hiệu lực pháp luật không khả thi.

Khi chia tài sản chung của vợ chồng cụ Đ và cụ H, cấp sơ thẩm áp dụng Điều 15 luật Hôn nhân và Gia đình năm 1959 nhưng cấp sơ thẩm chưa xem xét đến việc hình thành tài sản, thửa đất 808 cụ Đ và cụ H đều thừa nhận là do cha mẹ cụ H cho khi hai cụ kết hôn. Do vậy, khi chia cần xem xét chia cho cụ H phần diện tích nhiều hơn diện tích chia cho cụ Đ, cấp sơ thẩm chia đôi thửa đất nêu trên là thiệt thòi quyền lợi của cụ H.

Theo lời khai của cụ H và lời khai của ông Nguyễn Văn H(con cụ Đ và cụ H) tại bản án sơ thẩm số 199/2019/DS-ST ngày 22 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C thì thửa đất tranh chấp đã tặng cho ông H nên ông H không đồng ý việc cụ Đ đòi lại đất nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không làm rõ việc cụ Đ và cụ H tặng cho thửa đất 808 cho ông H hay không.

Ngoài ra bản án của cấp sơ thẩm không được đóng dấu đúng theo quy định tại Điều 33 Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của chính phủ.

Những thiếu sót trên của Tòa án cấp sơ thẩm, Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục, bổ sung được. Để đảm bảo nguyên tắc xét xử hai cấp và đảm bảo quyền kháng cáo của các đương sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung.

Do hủy án sơ thẩm nên Hội đồng xét xử chưa xem xét đến yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[7] Ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang, Hội đồng xét xử có xem xét khi nghị án.

[8] Về án phí: Do hủy án nên ông H không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, khoản 1 Điều 310, khoản 3 Điều 148, Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Xử:

1/ Hủy toàn bộ Bản án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm 256/2022/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2/ Về án phí: Ông Võ Quang H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn lại cho ông H 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0010106 ngày 06/9/2022 của chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

3/- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND h C;
- CCTHADS h C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Văn Ngoan